

Bản án số: 104/2024/HS-ST

Ngày: 31/10/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Bản

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phương Thúy
2. Ông Nguyễn Hoàng Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khánh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Tuyết Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2024/TLST-HS, ngày 01 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-HS, ngày 17 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thanh S**, sinh ngày 10/10/1956; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 2/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố G, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Họ và tên bố: Nguyễn Văn B (đã chết); Họ và tên mẹ: Quản Thị B1 (đã chết); Vợ: Phạm Thị N và có 03 con.

- Tiền án: 02

+ Năm 2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Năm 2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 9 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Tiền sự: Không

- Nhân thân: Năm 1997 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

- Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 09/10/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh S: Luật sư Nguyễn Mạnh A, Văn phòng L2, đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên. (Có Mặt).

2. Họ và tên: **Phạm Văn T**, sinh ngày 01/6/1957;Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Dân tộc: Kinh;Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/10;Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Họ và tên bố: Phạm Hùng S1 (đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị L (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị K và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Năm 1995 bị Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù về tội “Tổ chức dùng chất ma túy”.

+ Năm 2011 bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc 18 tháng.

+ Năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 4 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Năm 2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/10/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T: Luật sư Nguyễn Bùi H, Văn phòng L3, đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

Những người làm chứng:

1. Anh Phạm Tùng L1, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Tổ 01, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

2. Ông Nguyễn Quang T1, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

3. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1958.

Nơi cư trú: Tổ dân phố G, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 00 phút ngày 08/10/2023, Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an tỉnh T nhận được tin báo của quần chúng nhân dân nội dung: Có một

người nam giới khoảng 65 tuổi mặc áo sơ mi màu ghi, quần thô trắng đang đứng trước cửa nhà 904 đường Quốc lộ 1B đoạn thuộc TDP G, phường Đ, thành phố T có cất giấu ma túy số lượng lớn. Ngay sau đó Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an tỉnh T đã thành lập một tổ công tác phối hợp với chính quyền địa phương đến địa điểm nêu trên để xác minh. Khi tổ công tác đến nơi thấy người nam giới như trên nên yêu cầu kiểm tra, người nam giới khai tên Phạm Văn T, sinh năm 1957, trú tại: xóm Đ, xã S, thành phố T, T tự giác lấy từ trong túi quần bên trái phía trước T đang mặc giao nộp cho tổ công tác 02 túi ni lon màu trắng bên trong đều chứa các cục chất bột màu trắng được bọc ngoài bằng nhiều lớp ni lon ngoài cùng là băng dính màu đen, niêm phong vào bì ký hiệu Q1. Tiếp tục kiểm tra người Tuấn thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu vàng có gắn thẻ sim số thuê bao 0363786566, niêm phong vào bì ký hiệu Q2; 01 ví giả da màu đen bên trong có số tiền 20.000 đồng, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn T. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T rồi đưa T cùng tang vật về Công an tỉnh T để giải quyết.

Tại cơ quan điều tra T khai: Toàn bộ số heroin bị thu giữ nêu trên là của T vừa mua của Nguyễn Thanh S, sinh năm 1956, trú tại TDP G, phường Đ, thành phố T với giá 26.000.000 đồng, mục đích để bán lại kiếm lời, T dự định sẽ bán số ma túy trên với giá 26.500.000 đồng, nhưng chưa kịp bán thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ ma túy.

Tiến hành khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Nguyễn Thanh S tại TDP G, phường Đ, thành phố T kết quả: Thu giữ tại phía dưới thảm lau chân đặt trên cầu thang trong phòng ngủ của S 01 gói chất bột màu trắng được gói bằng nhiều lớp ni lon lớp ngoài cùng cuốn bằng băng dính màu đen, niêm phong vào bì ký hiệu S, ngoài ra còn thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, lắp số thuê bao 0372424133 và 01 chiếc điện thoại Nokia vỏ màu đen bên trong có lắp sim số thuê bao 0352454791 trên mặt bàn gỗ trong phòng khách nhà ở của S; 20 túi ni lon màu trắng chưa qua sử dụng có cùng kích thước 1 x 1cm trên nền nhà trong phòng ngủ của S.

Tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng và lấy mẫu gửi giám định đối với số vật chứng thu giữ của Phạm Văn T kết quả: Số các cục chất bột màu trắng trong niêm phong Q1 có khối lượng 37, 750 gam, trộn đều lấy 0,930 gam niêm phong ký hiệu G gửi giám định, còn lại 36,820 gam niêm phong ký hiệu L lưu kho theo quy định.

Mở niêm phong cân xác định khối lượng và lấy mẫu gửi giám định đối với số vật chứng thu giữ của Nguyễn Thanh S kết quả: Số các cục chất bột màu trắng trong niêm phong S có khối lượng 19,030 gam, trộn đều lấy 0,530 gam

niêm phong ký hiệu G1 gửi giám định, còn lại 18,50 gam niêm phong ký hiệu L1 lưu kho theo quy định.

Tại bản kết luận giám định số 1203/KL-KTHS ngày 17/10/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: Các cục chất bột màu trắng trong phong bì niêm phong ký hiệu G, G1 gửi đến giám định là chất ma túy, loại Heroine. Khối lượng các cục chất bột màu trắng ghi thu giữ của Phạm Văn T là 37,750 gam, khối lượng các cục chất bột màu trắng ghi thu giữ của Nguyễn Thanh S là 19,303 gam.

Quá trình điều tra xác định được hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Khoảng 20 giờ ngày 07/10/2023, Nguyễn Thanh S đi đến khu vực bến xe khách thuộc phường T, thành phố T mua của một người nam giới không rõ họ, tên, địa chỉ 03 gói heroine hết tổng số tiền 37.000.000 đồng mục đích để bán lại kiếm lời. Sau khi mua được ma túy S đem về nhà tại TDP G, phường Đ, thành phố T cất giấu ở dưới thảm lau chân ở cầu thang trong phòng ngủ của S. Khoảng 19 giờ ngày 08/10/2023, Phạm Văn T đến nhà S hỏi mua của S 02 gói heroine với giá thỏa thuận là 26.000.000 đồng, T hẹn khi nào bán được ma túy sẽ trả tiền S, S đồng ý rồi đi đến chân cầu thang lật tấm thảm lau chân lên lấy 02 gói heroine bán cho T. Sau khi mua được ma túy T đang trên đường đem đi bán cho người đàn ông tên H1 với giá 26.500.000 đồng, nhưng chưa kịp bán thì bị Công an tỉnh T đến yêu cầu kiểm tra đã phát hiện thu giữ toàn bộ vật chứng. Ngay sau đó cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Nguyễn Thanh S đã phát hiện thu giữ 01 gói heroine như trên.

Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định, lời khai người chứng kiến ...

Vật chứng của vụ án gồm: 57,053 gam Heroine, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu vàng; 01 ví giả da màu đen, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, lắp số thuê bao 0372424133, 01 chiếc điện thoại Nokia vỏ màu đen bên trong có lắp sim số thuê bao 0352454791, 20 túi ni lon màu trắng chưa qua sử dụng có cùng kích thước 1 x 1cm và số tiền 20.000 đồng.

Bản cáo trạng số 96/CT-VKS, ngày 30/9/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận, xác nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phần luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã kết luận giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S, bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm b khoản 3, Điều 251; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T 15 đến 16 năm tù.

Căn cứ điểm b khoản 3, Điều 251; điểm x, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S từ 16 đến 17 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả 02 bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; trả lại 03 điện thoại cho các bị cáo (Sơn 02; T 01); Trả lại cho bị cáo T số tiền 20.000 đồng cùng giấy tờ tùy thân của bị cáo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo xác định Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật;

Luật sư Nguyễn Mạnh A tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thanh S đã thú nhận hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo để xử phạt mức án từ 15 đến 16 năm tù; không phạt bổ sung đối với bị cáo. Luật sư Nguyễn Bùi H đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Phạm Văn T 15 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

Các bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của 02 Luật sư; không có bổ sung gì khác.

Đổi đáp với ý kiến của các luật sư: Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đề nghị.

Các bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung vì các bị cáo tuổi đã cao có hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên và người bào chữa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, các Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt những người chứng kiến tuy nhiên những người này đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục xét xử vắng mặt những người làm chứng.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định, lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do hám lời, nên vào hồi 20 giờ ngày 07/10/2023 Nguyễn Thanh S đã mua 03 gói heroine với giá 37.000.000 đồng của một người nam giới không quen biết ở khu vực bên xe khách thuộc phường T, thành phố T để bán lại kiếm lời. Khoảng 19 giờ ngày 08/10/2023, tại nhà của S ở TDP G, phường Đ, thành phố T, S đã bán cho Phạm Văn T 02 gói heroine với giá 26.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy của S, T đang trên đường đem đi bán cho người đàn ông tên H1 với giá 26.500.000 đồng, thì bị tổ công tác Công an tỉnh T bắt quả tang, thu giữ của T 37,750 gam Heroine. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của S thu giữ 19,303 gam heroine. Tổng khối lượng ma túy S phải chịu trách nhiệm hình sự là 57,053 gam heroine; T 37,750 gam.

Với hành vi nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh S, Phạm Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 251 Bộ luật hình sự:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm

a,..

b, H2...có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam”

[3] Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây hủy hoại sức khỏe của con người, làm nguy cơ gia tăng các loại tội phạm khác vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự, buộc các bị cáo phải cách ly xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã khai báo về hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn, hối cải nên cả 02 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Nguyễn Thanh S là thương binh hạng 4 được Nhà nước cấp giấy chứng nhận nên bị cáo S được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự; Tại phiên tòa gia đình bị cáo T đã giao nộp Huân chương chiến sỹ vẻ vang, Huân chương chiến công của Phạm Văn H3 là em trai bị cáo; Huân chương chiến thắng, Huân chương kháng chiến của Phạm Hùng S1 là bố đẻ của bị cáo, nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thanh S phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Vật chứng vụ án: Số ma túy và vỏ bao, túi mẫu gói thu giữ của các bị cáo được niêm phong theo quy định xác định là vật nhà nước cấm lưu hành, vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định

Đối với số tiền 20.000 đồng, điện thoại, ví cùng giấy tờ tùy thân thu giữ của bị cáo T xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo quản lý sử dụng.

Đối 02 điện thoại di động thu giữ của các bị cáo Nguyễn Thanh S xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo S quản lý sử dụng.

[6] Về hình phạt bổ sung; án phí: Các bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận, đáng lẽ cần phạt bổ sung một khoản tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Tuy nhiên khi các bị cáo phạm tội cả 02 bị cáo đã trên 60 tuổi nên miễn án phí; miễn hình phạt bổ sung cho cả 02 bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh điều luật, khung hình phạt xử lý vật chứng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của Luật sư về mức hình phạt chưa đủ sức răn đe Hội đồng xét xử không chấp nhận

[8] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[9] Liên quan trong vụ án bị cáo S khai đã mua ma túy của một người nam giới tại khu vực bến xe khách thuộc phường T, thành phố T ngày 07/10/2023, bị cáo T khai ngày 08/10/2023 mua ma túy của bị cáo S để bán cho người đàn ông tên H1, nhưng do bị cáo S, bị cáo T không biết họ, tên, địa chỉ của những người này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thanh S, Phạm Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T **16 (Mười sáu)** năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/10/2023.

2.2. Áp dụng điểm b khoản 3, Điều 251; điểm x, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S **17 (Mười bảy)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2023.

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho cả 02 bị cáo.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

* Tịch thu tiêu hủy gồm:

- 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu **G** trên mép dán có chữ ký của Trương Đăng T2, Ma Quốc H4 và hình dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: Hoàn trả 0,917 gam mẫu **G** và vỏ bao gói còn lại sau giám định vụ Phạm Văn T SN: 1957 và Nguyễn Thanh S SN 1956 ký hiệu **G**.

- 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu **G1** trên mép dán có chữ ký của Trương Đăng T2, Ma Quốc H4 và hình dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: Hoàn trả 0,520 gam mẫu G1 và vỏ bao gói còn lại sau giám định vụ Phạm Văn T SN: 1957 và Nguyễn Thanh S SN 1956 ký hiệu G1.

- 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu **L** trên mép dán có chữ ký của Phạm Văn T cùng các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: 36,820 gam.

- 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu **L1** trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Thanh S cùng các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T, bên ngoài ghi 18,50 gam chất bột màu trắng nghi là ma túy. Vật chứng thu giữ của đối tượng Nguyễn Thanh S.

- 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu **X** trên mép dán có chữ ký của Phạm Văn T cùng các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: Vỏ bao giấy gói ban đầu của Phạm Văn T.

- 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu **X1** trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Thanh S cùng các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: Vỏ khám xét đối với Nguyễn Thanh S.

- 20 túi nilon màu trắng chưa qua sử dụng, có cùng kích thước 1x1cm.

*Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn S2:

- 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu **S2** trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Thanh S cùng các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: 01 điện thoại di động NOKIA tạm giữ của Nguyễn Thanh S ngày 08/10/2023.

- 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu **S3** trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Thanh S cùng các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: 01 điện thoại di động NOKIA tạm giữ của Nguyễn Thanh S ngày 08/10/2023.

*Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T:

- 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu **T** trên mép dán có chữ ký của Phạm Văn T cùng các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: 01 điện thoại di động IPHONE tạm giữ của Phạm Văn T ngày 08/10/2023.

- 01 ví giả da màu đen.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 091636133 mang tên Phạm Văn T.

- Số tiền 20.000 đồng.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 01 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên ngày 01/10/2024; Số tiền theo ủy nhiệm chi số 229 ngày 26/9/2024).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Bản